

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 259/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Kiều Lệ N, sinh năm 1981

Địa chỉ: Xóm Chanh 01, xã Th, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tập thể Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2020,

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Kiều Lệ N và Anh Phạm Văn T.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về con chung*: Giao con chung là Phạm Việt A, sinh ngày 18/5/2005 cho Chị Kiều Lệ N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn, Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng chung cùng chị Nga do hiện tại chị N không có yêu cầu. Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị Kiều Lệ N và Anh Phạm Văn T đều xác định có tài sản chung nhưng thống nhất tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị Kiều Lệ N và Anh Phạm Văn T đều xác định vợ chồng không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Kiều Lệ N tự nguyện nhận nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000587 ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho Chị Kiều Lệ N số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh T không phải chịu án của vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP.Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP.Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Th, h. Yên Sơn (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

**THẨM PHÁN**

**Vương Thị Lan**